

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/04/2024

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Kim Sơn;

Ông Hà Công Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trần Hoàng G - sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp HN, xã HNg, huyện CL, tỉnh BT. có mặt.

Bị đơn: bà Trần Thị Lệ M - sinh năm: 1965; địa chỉ: ấp HN, xã HNg, huyện CL, tỉnh BT. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/06/2023 và tại phiên tòa hôm nay (ông G) trình bày: Vào năm 1985 ông G và bà M tự nguyện tìm hiểu nhau và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã HNg ngày 10/08/1997. Thời gian chung sống được 33 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó, ông Trần Hoàng G yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với vợ ông là bà Trần Thị Lệ M và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: có 02 người con chung tên Trần Thị Linh K, sinh ngày 09/03/1986 và Trần Đăng Kh, sinh ngày 16/7/2001, cả hai đã trưởng thành, đủ điều

kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật nên ông G không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Còn đối với bị đơn là bà M mặc dù vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/01/2024 bà M trình bày như sau: từ năm 2019 ông G cặp bồ gây sự vợ bỏ đi đến nay, đề nghị giải quyết ly hôn và không mời bà. Ông G sống không có trách nhiệm với vợ con, không chăm sóc gia đình, quan hệ bất chính với nhiều người khác xã hội điều biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông G, bà M đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1] . Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông G có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà M nên đây là vụ kiện: “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà M hiện đang cư trú tại ấp HN, xã HNg, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà M được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, hôn nhân của ông G và bà M là trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân không có sự ép buộc. Ông bà cũng đã đi đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông G cho rằng quan hệ hôn nhân của ông với bà M đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời bà M đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà nhưng bà M vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, đến ngày 4/01/2024 bà M đã có văn bản ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn và đề nghị Tòa tự giải quyết không mời bà. Chứng tỏ, hôn nhân của ông bà đã có sự rạn nứt và không thể hàn gắn được. Từ các căn cứ trên,

xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông G là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: trong quá trình sống chung ông G với bà M có tạo ra 02 người con chung tên Trần Thị Linh K, sinh ngày 09/03/1986 và Trần Đăng Kh, sinh ngày 16/7/2001, cả hai đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật, ông G không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không đặt ra để xem xét.

[5] Tài sản chung: Ông G không yêu cầu Tòa giải quyết. Nợ chung không có không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: cho ông Trần Hoàng G được ly hôn với bà Trần Thị Lệ M.

Ghi nhận việc ông Trần Hoàng G không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: trong quá trình sống chung ông G với bà M có tạo ra 02 người con chung tên Trần Thị Linh K, sinh ngày 09/03/1986 và Trần Đăng Kh, sinh ngày 16/7/2001, cả hai đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật, ông G không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: Buộc ông Trần Hoàng G phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền ông G nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0000047, ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: ông Trần Hoàng G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Lệ M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã HNg;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ THÚY HẰNG